



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 83 + 84

Ngày 01 tháng 02 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 16-01-2024- Quyết định số 192/QĐ-UBND phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. 3

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

- 05-01-2024- Quyết định số 38/QĐ-UBND về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 5 hết hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 5 còn hiệu lực năm 2024. 38

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- 09-01-2024- Quyết định số 108/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2023. 45

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**

- 05-01-2024- Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023, văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực. 53

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

- 09-01-2024- Quyết định số 02/QĐ-UBND công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình năm 2023. 62

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 192/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh  
từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về

*phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98-NQ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 7400/TTr-SGDĐT ngày 15 tháng 12 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Thành phố Hồ Chí Minh là vùng kinh tế năng động, có bề dày lịch sử, truyền thống và đa dạng về văn hóa. Trong quá trình phát triển và hội nhập, Thành phố luôn khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất cả nước và cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung theo định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thành phố ngày càng khẳng định vai trò là trung tâm giáo dục, đào tạo chất lượng cao của các nước. Công tác giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực phát triển nhanh về quy mô, số lượng đào tạo năm sau cao hơn năm trước; loại hình đào tạo đa dạng, cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư. Bên cạnh đó, Thành phố chú trọng đẩy mạnh phát triển giáo dục phổ thông theo hướng nâng cao trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh sẵn sàng thích ứng, gia nhập vào quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đề ra định hướng phát triển giáo dục: đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá và thay đổi phương thức giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục đại học; phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển giáo dục của Đảng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 của đất nước.

**I. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ**

## 1. Thực trạng, quy mô

Sau khi Thành phố ban hành Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 về quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đến năm 2020, các quận, huyện đã xây dựng quy hoạch mạng lưới trường học trên địa bàn, từ đó triển khai các giải pháp nhằm phát triển quy mô số lượng trường lớp trên địa bàn như kêu gọi đầu tư xã hội hóa, bổ sung dự án xây dựng trường học trong các đồ án qui hoạch khu dân cư, điều chỉnh diện tích đất giáo dục, bố trí vốn giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án xây dựng trường, lớp, ... Theo đó, tính đến hết năm 2020, số học sinh đã tăng 1,6 lần và số phòng học tăng 1,81 lần so với năm 2003.

Tuy nhiên, thực trạng diện tích đất công theo các quy hoạch được sắp xếp, bố trí để xây dựng các công trình giáo dục còn hạn chế; vị trí quy hoạch chủ yếu trên đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nên chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao, ảnh hưởng đến tính khả thi của quy hoạch. Chính những nguyên nhân trên dẫn đến việc thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp tại các quận, huyện hiện nay gặp nhiều khó khăn.

Diện tích đất giáo dục hiện hữu tại các quận huyện đến nay chỉ đạt 57,48% so với quy hoạch được phê duyệt; việc xây dựng mới trường lớp và tăng số phòng học đạt thấp, diện tích đất/học sinh chưa đạt theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB. Trong đó, chỉ tiêu đất giáo dục hiện hữu một số quận, huyện đạt rất thấp như Quận 2, Quận 6, Quận 7, Quận 8, Gò Vấp, Bình Thạnh, Hóc Môn, Bình Chánh và Cần Giờ.

Thực trạng Quy mô ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2022 - 2023:

| STT              | NỘI DUNG       | Số trường, điểm trường | Số lớp        | Học sinh         | Giáo viên     | Phòng học     |
|------------------|----------------|------------------------|---------------|------------------|---------------|---------------|
| 1                | Công lập       | 1.369                  | 36.344        | 1.425.403        | 60.536        | 34.765        |
| 2                | Ngoài công lập | 1.801                  | 13.448        | 257.692          | 28.760        | 14.633        |
| <b>Tổng cộng</b> |                | <b>3.170</b>           | <b>49.792</b> | <b>1.683.095</b> | <b>89.296</b> | <b>49.398</b> |

Quỹ đất cho giáo dục đã thực hiện:

| Cấp học | Quỹ đất giáo dục đã thực hiện đến tháng 12/2022 (m <sup>2</sup> ) |                     |                     |
|---------|---|---------------------|---------------------|
|         | Tổng cộng   | Đất thuộc quy hoạch | Đất ngoài quy hoạch |
|         |   |                     |                     |

|                  |                   |                  |                  |
|------------------|-------------------|------------------|------------------|
| Mầm non          | 2.309.727         | 1.472.737        | 836.991          |
| Tiểu học         | 3.201.128         | 2.736.039        | 465.089          |
| THCS             | 2.640.768         | 2.308.143        | 332.625          |
| THPT             | 2.063.764         | 1.865.046        | 198.718          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>10.215.387</b> | <b>8.381.965</b> | <b>1.833.423</b> |

## 2. Đánh giá các kết quả đạt được

Trong thời gian qua, ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã phát triển về cả về quy mô và chất lượng, góp phần nâng cao trình độ dân trí, dân sinh, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

### 2.1. Quy mô phát triển

Toàn Thành phố có 1.617.436 học sinh và 77.409 giáo viên với quy mô trường, lớp như sau:

| STT | Ngành học, bậc học | Tổng số trường |              |                | Trường chuẩn quốc gia |              |
|-----|--------------------|----------------|--------------|----------------|-----------------------|--------------|
|     |                    | Tổng cộng      | Công lập     | Ngoài công lập | Số lượng              | Tỷ lệ (%)    |
|     | <b>Toàn ngành</b>  | <b>2.310</b>   | <b>1.350</b> | <b>960</b>     | <b>343</b>            | <b>14,85</b> |
| 1   | Mầm non            | 1.305          | 968          | 837            | 199                   | 15,25        |
| 2   | Tiểu học           | 516            | 490          | 26             | 72                    | 13,95        |
| 3   | THCS               | 286            | 279          | 7              | 46                    | 16,08        |
| 4   | THPT               | 203            | 113          | 90             | 26                    | 12,81        |

Thành phố hiện có 57 cơ sở giáo dục đang thực hiện đề án trường tiên tiến hội nhập quốc tế (25 trường mầm non, 17 trường tiểu học, 12 trường THCS, 03 trường THPT), 1.791 cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX) (05 trung tâm GDTX; 22 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX); 04 trường

có phân hiệu GDTX; 724 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học (NNTH); 94 đơn vị tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa, 512 tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, 17 văn phòng đại diện, 26 trường mầm non và trường phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài; 310 trung tâm học tập cộng đồng).

Có 51 cơ sở giáo dục đại học và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trú đóng trên địa bàn Thành phố<sup>1</sup>; 376 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) (trong đó có 62 trường cao đẳng; 60 trường trung cấp; 22 trung tâm GDNN-GDTX; 54 trung tâm GDNN; 178 cơ sở hoạt động GDNN).

Hệ thống trường lớp được quy hoạch, phân bố đều khắp và đầu tư xây dựng từ nội thành đến ngoại thành, đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng cao; công tác phổ cập giáo dục được duy trì ổn định và phát triển; đội ngũ nhà giáo lớn mạnh, đảm bảo về số lượng và không ngừng nâng cao chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học ngày một cao hơn. Mức độ chuẩn hóa nhà trường và trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn mới được xây dựng, củng cố và sử dụng hiệu quả.

## **2.2. Chất lượng giáo dục**

Hoạt động giáo dục phục vụ yêu cầu phát triển của địa phương như tin học, ngoại ngữ được triển khai và đạt hiệu quả tốt. Chất lượng giảng dạy của các trường có sự tiến bộ rõ rệt, học sinh năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu học chuyên sâu; có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho Thành phố, cả nước và hội nhập thế giới.

Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố thực hiện có hiệu quả Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Các chương trình, đề án đột phá của Ngành huy động được nguồn lực xã hội và đạt hiệu quả cao như: chương trình kích cầu đầu tư cơ sở vật chất xây dựng trường học; chương trình “Dạy và học Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”; thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế” tại Thành phố Hồ Chí Minh; chương trình Tiếng Anh tăng cường, dạy học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài; các hoạt động câu lạc bộ; các cuộc thi khoa học kỹ thuật, học thuật đánh giá theo chuẩn quốc tế được chú trọng.

Thành phố luôn giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05

---

<sup>1</sup> Trong số 51 cơ sở giáo dục đại học, có 33 cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ - ngành, 15 cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập và 03 cơ sở giáo dục đại học thuộc Thành phố Hồ Chí Minh



tuổi, thực hiện hiệu quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học theo định hướng của Thành phố. Đặc biệt, trẻ em mẫu giáo 05 tuổi đến trường đạt tỷ lệ trên 99%; trẻ em mẫu giáo 05 tuổi học 02 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100%; trẻ em mẫu giáo 05 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ trên 98%. Nhiều chính sách đặc thù hỗ trợ giáo dục mầm non được triển khai thực hiện như: Đề án hỗ trợ giáo dục mầm non, trong đó có chế độ hỗ trợ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên, nhân viên do tính chất công việc; chế độ hỗ trợ đối với giáo viên mầm non mới ra trường được tuyển dụng mới và chính sách thu hút giáo viên mầm non.

Công tác giáo dục toàn diện cho học sinh được quan tâm, các hoạt động giáo dục tư tưởng, đạo đức, lí tưởng sống, phẩm chất công dân, ... thực hiện bằng nhiều hình thức sinh động, hấp dẫn, hiệu quả, các hoạt động văn - thể - mỹ được tổ chức đa dạng, phong phú với các loại hình câu lạc bộ - đội nhóm, các cuộc thi, hội thao, hội diễn, ... tạo không khí sôi nổi, vận động đông đảo học sinh tham gia.

Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục không ngừng được nâng cao, đảm bảo trình độ đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn các bậc học khá cao.

Thành phố luôn dành sự ưu tiên đầu tư cho giáo dục, hoàn chỉnh mạng lưới trường lớp, tăng cường trang thiết bị hỗ trợ dạy - học tiên tiến, hiện đại, đảm bảo chỗ học cho người học, từng bước giảm sĩ số và tăng tỷ lệ học sinh được học 02 buổi/ngày và nhiều mô hình hoạt động hiệu quả.

Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, đồng bộ đổi mới quản lí và tổ chức dạy học trong nhà trường, chất lượng giáo dục được nâng cao. Đến nay, toàn Thành phố có 269 trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng triển khai thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập, Thành phố hiện có 319 trung tâm học tập cộng đồng, người biết chữ độ tuổi từ 15-35 tuổi và từ 15-60 tuổi đạt tỷ lệ trên 99%; Thành phố cũng tập trung đẩy mạnh thực hiện Đề án hỗ trợ giáo dục mầm non.

Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã kết nối, liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật và chuẩn kết nối. Hệ thống thông tin địa lý giáo dục (EDU GIS) được hoàn thiện và ứng dụng trong hoạt động tuyển sinh; kho học liệu số trực tuyến được quan tâm xây dựng.

### **3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

#### **3.1. Tồn tại, hạn chế**

Quy hoạch và quản lý mạng lưới trường lớp; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố: chỉ tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia còn thấp; tiến độ xây dựng trường lớp theo quy hoạch tuy đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng nhu cầu về chỗ học tăng hàng năm; sĩ số học sinh/lớp còn cao so với quy định, tỷ lệ học sinh được học 02 buổi/ngày chưa đạt chỉ tiêu, đặc biệt ở một số quận, huyện đạt rất thấp; trang thiết bị dạy học hiện đại chưa được đầu tư đồng bộ, kịp thời giữa lớp học và trường học.

Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên còn thiếu về số lượng, chưa đồng bộ về cơ cấu, chưa có định biên một số chức danh theo yêu cầu giáo dục toàn diện; một bộ phận chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và tin học dẫn tới việc chưa theo kịp yêu cầu đổi mới trong giáo dục và hội nhập quốc tế; trình độ ngoại ngữ, tin học của một bộ phận đội ngũ CBQL, giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và hội nhập nhanh của Thành phố; việc liên kết đào tạo nghề nghiệp giữa các trường chuyên nghiệp với hệ thống GDNN theo chuẩn quốc tế của các nước trong khu vực và thế giới đạt kết quả chưa cao do trình độ tiếng Anh chuyên ngành của giáo viên còn hạn chế.

Một số chính sách đối với giáo dục và đào tạo còn bất cập chưa phù hợp với đặc điểm, tình hình giáo dục, đào tạo của Thành phố.

### **3.2. Nguyên nhân**

Áp lực tăng dân số cơ học, mật độ dân số cao, số lượng học sinh hàng năm tăng nhanh dẫn đến số trường và số phòng học chưa đủ để đảm bảo 100% học sinh được học 02 buổi/ngày; chỉ tiêu về diện tích đất/học sinh không đủ định mức tối thiểu theo quy định. Nhiều trường có sĩ số học sinh các lớp cao, do đó việc triển khai giáo dục toàn diện, giáo dục lấy học sinh làm trung tâm gặp khó khăn.

Một số văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp với tình hình thực tiễn tại Thành phố đã tạo ra rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, là rào cản ảnh hưởng đến phát triển của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Chưa có các chế độ chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhằm động viên, khuyến khích ý thức bồi dưỡng nâng chuẩn.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

Từ kết quả đạt được nêu trên, ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đã rút ra được một số bài học quan trọng:

- Đổi mới công tác quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin đầy mạnh chuyên

đổi số trong giáo dục, đào tạo đã tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động quản lý và công tác chuyên môn, góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số và xây dựng chính quyền đô thị theo yêu cầu phát triển của Thành phố.

- Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên với tinh thần trách nhiệm cao đã nỗ lực, phấn đấu vượt mọi khó khăn, cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục. Đặc biệt, với sự đoàn kết, quyết tâm cao độ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp có thẩm quyền và sự chung tay của toàn bộ hệ thống chính trị, ngành Giáo dục và Đào tạo vượt qua thử thách, kiên định với mục tiêu chất lượng giáo dục, nâng cao lòng tin của người dân.

- Sự quan tâm, chỉ đạo, chăm lo của Đảng và nhà nước cho sự nghiệp giáo dục đã tạo điều kiện giúp chất lượng giáo dục được nâng cao và ổn định, góp phần hoàn thành nhiệm vụ phổ cập tại địa phương.

## **II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC**

1. Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước, nâng cao vai trò các tổ chức, đoàn thể chính trị, kinh tế, xã hội trong phát triển giáo dục. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với giáo dục, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương, ưu tiên ngân sách nhà nước dành cho phát triển giáo dục phổ cập và các đối tượng đặc thù.

2. Xây dựng nền giáo dục có tính Nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục địa bàn khó khăn để đạt được mặt bằng chung, đồng thời tạo điều kiện để các địa phương và các cơ sở giáo dục có điều kiện bứt phá nhanh, đi trước một bước, đạt trình độ ngang bằng với các nước có nền giáo dục phát triển. Xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học, học suốt đời, đặc biệt đối với người dân tộc thiểu số, người nghèo, con em diện chính sách.

3. Giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, đề cao các giá trị đạo đức. Thực hiện giáo dục theo phương châm học tập suốt đời và lấy người học làm trung tâm. Chuyển đổi mạnh mẽ quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, tư duy sáng tạo của người học. Giáo dục vì con người và hạnh phúc của con người.

4. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã

hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng; mặt khác phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng.

5. Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng giao lưu hợp tác với các nền giáo dục trên thế giới, nhất là các nền giáo dục tiên tiến hiện đại, phát hiện và khai thác kịp thời các cơ hội thu hút nguồn lực có chất lượng, hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục, đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển Thành phố.

### **III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Xây dựng nền giáo dục, đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh tiên tiến, hiện đại, hội nhập, trung tâm giáo dục - đào tạo chất lượng cao của cả nước và khu vực Châu Á; bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển giáo dục và chất lượng giáo dục. Xây dựng xã hội học tập, khuyến khích, tạo điều kiện công bằng và thuận lợi để mọi người dân Thành phố được học tập suốt đời; đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và hội nhập quốc tế của Thành phố. Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố đạt trình độ tiên tiến của khu vực châu Á vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045.

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển toàn diện học sinh Thành phố, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đào tạo thế hệ trẻ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc; có lối sống lành mạnh, ý thức trách nhiệm xã hội, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc; có năng lực tiếp thu, có tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố.

Giáo dục toàn diện học sinh gắn liền giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, khơi dậy lòng yêu nước, khát vọng cống hiến, niềm tự hào dân tộc, tự hào học sinh Thành phố mang tên

Bác. Thông qua xây dựng Không gian văn hóa Hồ Chí Minh trong nhà trường và văn hóa học đường làm lan tỏa mạnh mẽ các giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đến với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên Thành phố.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, phục vụ học tập suốt đời, công bằng và bình đẳng, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục và tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, đảm bảo đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo.

Phát triển nhanh GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển đất nước trong từng giai đoạn.

Tiếp tục quan tâm, triển khai có hiệu quả, tạo ra sự khác biệt về đào tạo ngoại ngữ và tin học tiệm cận với giáo dục tiên tiến hiện đại khu vực và thế giới.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo đảm bảo người học có đủ kiến thức và kỹ năng; trở thành nguồn nhân lực xây dựng Thành phố thông minh.

Đào tạo người học trở thành công dân yêu nước, tự hào dân tộc, có đạo đức, kỷ luật, ý thức trách nhiệm xã hội; có kỹ năng thực hành xã hội, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ, năng lực chuẩn quốc tế, xây dựng Thành phố thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước, khu vực ASEAN, tiến đến đào tạo công dân toàn cầu.

Xây dựng, phát triển mô hình Trường học hạnh phúc dựa trên nguyên lý trải nghiệm hạnh phúc của con người: kết nối với bản thân - kết nối với người khác - kết nối với thế giới tự nhiên. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên được yêu thương, tôn trọng, an toàn, chia sẻ và thấu hiểu.

Xây dựng trường học nhiều không gian xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu; có tầm nhìn, tư duy phát triển; thực hiện tốt quy tắc ứng xử, mô phạm, đồng thời là tấm gương về giá trị đạo đức lối sống cho giáo viên, học sinh noi theo; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo và CBQL đảm bảo chuẩn về trình độ đào tạo, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, năng động, sáng

tạo, đặc biệt chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, nghề nghiệp của nhà giáo đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới; góp phần đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, đào tạo Việt Nam theo hướng: “*Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức, trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế*”.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Mục tiêu đến năm 2025**

Tiếp tục giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị bảo đảm tự chủ tài chính).

Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020.

### **2.2. Mục tiêu đến năm 2030**

Đảm bảo 60% trường mầm non, 80% trường tiểu học, 70% trường THCS và 50% trường THPT công lập đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất, trường lớp đạt chuẩn quốc gia.

Mỗi quận, huyện, thành phố Thủ Đức có ít nhất 02 trường ở mỗi cấp học mầm non, tiểu học, THCS, THPT thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”; Thành phố có ít nhất 10 trường THPT, THPT chuyên có điều kiện cơ sở vật chất hiện đại, chất lượng dạy học đạt các tiêu chí trường chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”; 100% trường học trên địa bàn Thành phố phấn đấu xây dựng theo mô hình trường học thông minh.

Xây dựng mới 04 trường phổ thông nhiều cấp học chất lượng cao tại khu vực thành phố Thủ Đức, huyện Bình Chánh và huyện Củ Chi. Đảm bảo diện tích tối thiểu 05 hecta/trường.

Đảm bảo sĩ số ở các bậc học từ 30 đến 35 học sinh/lớp.

Đạt 100% trường tiểu học, 70% trường THCS dạy và học 02 buổi/ngày; có từ 80% trường THPT trở lên ở mỗi quận, huyện, thành phố Thủ Đức dạy và học 02 buổi/ngày.

Đạt 30% trường tiểu học, THCS và THPT đảm bảo đủ điều kiện tự chủ.

Đạt 80% học sinh THPT có thể thông thạo giao tiếp, tiếp cận học tập bằng ngoại ngữ (tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ); 100% học sinh tốt nghiệp THPT có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, 50% học sinh có trình độ tin học đạt chuẩn quốc tế.

Đạt 100% học sinh phổ thông biết chơi ít nhất 01 môn nghệ thuật, nhạc cụ và luyện tập ít nhất 01 môn thể thao.

Đạt 100% dữ liệu giáo dục kết nối với cơ sở dữ liệu Thành phố và quốc gia; 100% người học được tiếp cận không gian học tập hiện đại trên nền tảng số; 100% cơ sở giáo dục triển khai giải pháp công nghệ trong hoạt động dạy - học và quản lý nhà trường; 100% người học và nhà giáo có đủ điều kiện tiếp cận có hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và các hoạt động dạy - học trực tuyến.

Đạt 100% trường học triển khai thực hiện “Trường học hạnh phúc”; đến năm 2030, có 50% cơ sở giáo dục đạt các tiêu chuẩn Trường học hạnh phúc; đến năm 2045, mỗi năm học có thêm ít nhất 10% cơ sở giáo dục còn lại đạt các tiêu chuẩn Trường học hạnh phúc.

Đạt 100% trường học xây dựng Không gian văn hóa Hồ Chí Minh gồm không gian vật thể và không gian phi vật thể.

Xây dựng chính sách thu hút nhân tài, thu hút đội ngũ lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới và có tầm nhìn chiến lược.

Giảm đầu mối, phân đầu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

Tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- Về trình độ chuyên môn: đạt 100% giáo viên mầm non tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, trong đó, trên 85% giáo viên mầm non có trình độ cử nhân thuộc ngành Giáo dục mầm non; đạt 100% giáo viên tiểu học, THCS và THPT có trình độ cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên (hoặc tương đương) trở lên; 40% giáo viên THPT có

trình độ thạc sĩ chuyên ngành.

- *Về chính trị, tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ quản lý giáo dục*: đạt 25% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt trình độ lý luận Trung cấp chính trị; 100% CBQL, giáo viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng số từ cơ bản đến nâng cao; 80% giáo viên đạt chuẩn mức độ 2 khung năng lực số, đáp ứng mục tiêu chuyên đổi số; 60% giáo viên thành thạo giao tiếp và tiếp cận học liệu bằng ngoại ngữ (tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ); 100% giáo viên diện quy hoạch được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục trường mầm non, phổ thông.

- *Về tuyển dụng đội ngũ nhà giáo*: tuyển dụng đủ số lượng giáo viên các môn học, cấp học thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

### **3. Mục tiêu của các bậc, ngành học**

#### **3.1. Giáo dục mầm non**

- Mục tiêu đến năm 2030:

Đạt 100% cơ sở giáo dục mầm non độc lập có trang thông tin điện tử kết nối với Cổng thông tin điện tử ngành Giáo dục và Đào tạo vào năm 2025.

Đạt trên 60% tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

Đạt 75% số quận, huyện, thành phố Thủ Đức hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2025 và 100% hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030; tỉ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến cơ sở giáo dục mầm non hàng năm tăng từ 02% đến 03%.

Đạt 10% trường mầm non công lập đảm bảo điều kiện tự chủ; 100% nhóm, lớp mầm non học 02 buổi/ngày; các cơ sở giáo dục mầm non đủ giáo viên theo quy định; 100% giáo viên đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo; 60% giáo viên có trình độ trên chuẩn; 100% trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh.

Đạt 90% trẻ từ 03 tuổi học mẫu giáo; 99% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non không suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi; giảm tỷ lệ trẻ em béo phì xuống dưới 10%.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục được nâng cao, đảm bảo cho trẻ em có được nền tảng ban đầu của những phẩm chất và kỹ năng sống cơ bản; tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên đổi số, định hướng khai thác, sử dụng; triển



khai quản lý trên môi trường số hóa, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin thành phố, quốc gia. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non xây dựng ít nhất 01 phòng học thông minh.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

Đạt 20% trường mầm non công lập đảm bảo điều kiện tự chủ.

Đạt 10% trường hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”.

Đạt 80% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia.

Đạt 100% quận, huyện, thành phố Thủ Đức tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

### **3.2. Giáo dục phổ thông**

- Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, đặc biệt chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Mục tiêu đến năm 2030:

Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 là 100%, chuẩn phổ cập giáo dục cấp THCS mức độ 3 là 40%.

Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở tiểu học đạt 99,5%, THCS đạt 95%, THPT và tương đương đạt 75%.

Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên THCS là 99,5%, tỷ lệ hoàn thành cấp tiểu học đạt 99%; tỷ lệ chuyển cấp từ THCS lên THPT và tương đương đạt 95%; tỷ lệ hoàn thành cấp THCS đạt 99,5%, hoàn thành cấp THPT đạt 99%.

Đạt 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học có trình độ ngoại ngữ A1 hoặc tương đương; 100% học sinh hoàn thành chương trình trung học đạt cấp độ ngoại ngữ từ A2 và tương đương trở lên; 50% học sinh tiểu học đạt chứng chỉ tin học, ngoại ngữ quốc tế (trường tiên tiến hội nhập quốc tế tỷ lệ 80%).

Đạt 100% học sinh phổ thông học tập trên nền tảng quản lý học tập trực tuyến (LMS); 100% các trường tiểu học tổ chức các hoạt động học tập và tương tác, trao đổi thông tin hoạt động dạy - học thông qua môi trường trực tuyến.

Tỷ lệ cơ sở và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập đạt 40% (cơ sở) và 30% (học sinh); đến năm 2030, tỷ lệ tương ứng đạt 50% (cơ

sở) và 35% (học sinh).

### **3.3. Giáo dục thường xuyên**

- Mục tiêu đến năm 2025:

Đạt 100% các quận, huyện, thành phố Thủ Đức đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 60% cơ sở GDTX triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số; 70% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục; 25% các quận, huyện, thành phố Thủ Đức được công nhận danh hiệu “Quận, huyện học tập”; Thành phố được công nhận danh hiệu “Thành phố học tập” theo tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Mục tiêu đến năm 2030:

Đạt 80% các cơ sở GDTX triển khai hoạt động quản lý, dạy và học trên môi trường số; 90% các trung tâm học tập cộng đồng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục; Thành phố được công nhận là Thành phố học tập theo tiêu chuẩn của UNESCO.

### **3.4. Giáo dục nghề nghiệp**

- Mục tiêu đến năm 2025:

Đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phát triển kinh tế - xã hội Thành phố; chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ quốc gia và ASEAN-4; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 87%.

Thu hút từ 40% đến 45% học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống GDNN; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới; ít nhất 40% lực lượng lao động đào tạo lại, đào tạo thường xuyên; ít nhất 35% lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp; ít nhất 30% cơ sở GDNN và 30% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 90% CBQL được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại; 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

Phấn đấu trên địa bàn Thành phố có 04 trường chất lượng cao; có 03 trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; 01 trường tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; khoảng 10 nhóm ngành, nghề trọng điểm có năng lực cạnh tranh vượt trội trong các nước ASEAN.

- Mục tiêu đến năm 2030:

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả GDNN nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia; có công nghiệp hiện đại; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc gia; trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước trong khu vực ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 89%

Thu hút từ 45 đến 50% học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào hệ thống GDNN; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 35% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới; ít nhất 60% lực lượng lao động được đào tạo lại, đào tạo thường xuyên; ít nhất 40% tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp; phân đầu 70% cơ sở GDNN và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

Phân đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 100% CBQL được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại; phân đầu 100% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

Phân đầu có 10 trường chất lượng cao.

- Tầm nhìn đến năm 2045: GDNN Thành phố đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao, trở thành địa phương phát triển hàng đầu về GDNN trong nước, khu vực ASEAN và bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

### **3.5. Giáo dục đại học**

Đạt 12% dân số có trình độ đại học trở lên đến năm 2025 và đạt 15% đến năm 2030; phân đầu 70% các trường đại học trên địa bàn Thành phố có triển khai đại học số và xây dựng học liệu số đến năm 2025 và đến năm 2030 đạt 90%.

Đạt 100% cơ sở giáo dục đại học (đủ điều kiện) đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó 10% đạt chuẩn kiểm định bởi các tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín; 45% chương trình đào tạo (đủ điều kiện) đạt chuẩn kiểm định trong nước hoặc nước ngoài, trong đó, 100% chương trình đào tạo giáo viên đủ điều kiện ở tất cả các trình độ đạt chuẩn kiểm định.

Tỷ lệ công bố các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trên giảng viên đạt 45% vào năm 2025 và 75% vào năm 2030. Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp trình độ chuyên môn trong 12 tháng sau tốt nghiệp đạt trên 80%.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, phân đầu đến năm 2025, tỷ lệ cơ sở giáo dục đại

học, số sinh viên đại học ngoài công lập đạt 30% (cơ sở) và 22,5% (sinh viên) và đến 2030 là 35% (cơ sở) và 25% (sinh viên). Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của một số loại hình dịch vụ đào tạo.

Ưu tiên đầu tư đào tạo nhân lực bậc đại học và sau đại học có trình độ quốc tế đối với 08 ngành trọng điểm (công nghệ thông tin - truyền thông, cơ khí - tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, quản trị doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng, y tế, du lịch, quản lý đô thị) góp phần phát triển lực lượng lao động có chất lượng cao từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế cho Thành phố trong quá trình hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng xu thế toàn cầu hóa lực lượng lao động.

Xây dựng và triển khai mô hình Đại học chia sẻ có khả năng kết nối và chia sẻ mạnh mẽ các nguồn lực quan trọng trong giáo dục đại học như con người, cơ sở vật chất, học liệu dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại. Chú trọng phát triển học liệu mở trong giáo dục đại học bằng cách đầu tư có hệ thống vào sản xuất và sử dụng học liệu mở để cải thiện chất lượng chương trình giảng dạy.

#### **IV. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

Xây dựng ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố văn minh, hiện đại, năng động, sáng tạo, phát huy truyền thống đoàn kết, nghĩa tình, tiếp thu văn minh của thế giới; là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đến học tập, sinh sống và làm việc, góp phần xây dựng Thành phố phồn vinh, cuộc sống người dân ấm no, gia đình hạnh phúc. Phát triển Giáo dục và Đào tạo Thành phố thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN, phấn đấu đạt trình độ tiên tiến của khu vực Châu Á vào năm 2030 và đạt trình độ tiên tiến của thế giới vào năm 2045.

#### **V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030**

##### **1. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo động lực cho đổi mới và phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố**

Đổi mới tư duy giáo dục nhất quán, từ khâu quán triệt đến khâu tổ chức thực hiện các quan điểm, đường lối và chủ trương phát triển giáo dục của Đảng, từ nhận thức mục tiêu giáo dục đến nhận thức về các giải pháp, điều kiện đảm bảo để tạo chuyển biến căn bản và toàn diện ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố.

Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo theo hướng tinh gọn, hiệu lực,

hiệu quả; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về giáo dục, đảm bảo tính hệ thống, liên thông trong quản lý giáo dục giữa cấp trung ương với địa phương và các cơ sở giáo dục.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo để thu hút nguồn nhân lực nhân lực chất lượng cao.

Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, khuyến khích đổi mới sáng tạo; giao quyền tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý, bảo đảm việc tham gia của người học, gia đình và xã hội trong quản trị các cơ sở giáo dục.

Tăng cường chất lượng của công tác lập kế hoạch; tổ chức dự báo, cung cấp thường xuyên các thông tin về phát triển giáo dục và nhu cầu nhân lực của xã hội cho các ngành, các cấp, các cơ sở giáo dục để điều tiết quy mô, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng.

Tất cả các cơ sở giáo dục triển khai có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học, hình thành môi trường văn hóa giáo dục lành mạnh phù hợp với yêu cầu của gia đình và xã hội; mỗi cơ sở giáo dục căn cứ theo nội dung, chương trình giáo dục của từng cấp học, bậc học và điều kiện thực tế, xây dựng kế hoạch triển khai Không gian văn hóa Hồ Chí Minh, chọn những nội dung cụ thể về tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác; xây dựng “Trường học hạnh phúc” gắn với văn hóa học đường; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với các trường đại học trên địa bàn Thành phố.

## **2. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục**

Ưu tiên bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh vùng xã đảo, học sinh thuộc các huyện ngoại thành, vùng khó khăn, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, phụ nữ và trẻ em gái, những người yếu thế khác.

Tạo điều kiện cho trẻ dưới 36 tháng tuổi được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đảm bảo chất lượng tại các cơ sở giáo dục mầm non nhất là cơ sở giáo dục mầm non

ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất. Từng bước phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo và thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm; nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ, tiến tới xóa mù chức năng; bảo đảm mọi người học được trang bị các kỹ năng của con người thế kỷ 21.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách tín dụng giáo dục cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho người học là đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Tiếp tục triển khai các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt, ưu tiên củng cố, phát triển các trường chuyên biệt.

### **3. Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người học**

Triển khai hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học; thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của từng phường, xã, quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh quy mô lớp học hợp lý; thu gọn các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương. Tạo điều kiện phát triển giáo dục mầm non, phổ thông loại hình tư thục ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao. Đảm bảo đủ trường, lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục cơ bản. Nghiên cứu phát triển các mô hình mới như trường học hạnh phúc, trường học thông minh, trường chất lượng cao, trường tự chủ, ...

Phát triển mạng lưới cơ sở GDTX theo hướng giáo dục mở, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Mở rộng trường dạy nghề kết hợp dạy chương trình giáo dục phổ thông để thi lấy bằng tốt nghiệp phổ thông theo hệ GDTX.

Phát triển các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới; tập trung nguồn lực đầu tư cho các trường và các ngành khoa học cơ bản, trọng điểm và mũi nhọn, đặc biệt như ngành sư phạm, sức khỏe và công nghệ để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, với số lượng và cơ cấu hợp lý.

Xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiệm cận trình độ quốc tế, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh GDNN đáp ứng nhu cầu thị trường; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong khu vực.

Tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục đại học; phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức và một số trường đại học lớn theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu Châu Á.

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, đảm bảo đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Nghiên cứu vận dụng các mô hình đô thị đại học tiên tiến gắn liền với các khu nghiên cứu đào tạo, khu công nghệ cao (nông nghiệp, công nghiệp) để hình thành các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, thí điểm, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

#### **4. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục**

Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo với trọng tâm là hiện đại hóa, thay đổi phương thức giáo dục; chú trọng giáo dục các giá trị cốt lõi, nhân văn, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống văn hóa, tự hào dân tộc, giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thể chất và văn hoá thể chất, ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị vững vàng; giáo dục cho học sinh, sinh viên Thành phố lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, khát vọng cống hiến, làm người tử tế, có tri thức góp phần quan trọng trong việc hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tăng cường giáo dục nhân cách,

đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, trách nhiệm xã hội và nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, ý thức công dân, khát vọng cống hiến; trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức khỏe học đường; giáo dục thể chất, phát triển thể trạng và năng khiếu nghệ thuật, văn hóa, thể thao cho học sinh ở tất cả các bậc học.

Xây dựng chương trình giáo dục mầm non với nội dung và phương pháp tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn; chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu để triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển năng lực từng cá nhân người học; đẩy mạnh tích hợp Khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ - Nghệ thuật - Toán học (STEAM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân và phù hợp với nhu cầu nhân lực của Thành phố.

Tổ chức, thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THPT; triển khai thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển GDNN giai đoạn năm 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; khuyến khích các cơ sở GDNN, doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tài liệu, đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm GDTX; tăng cường gắn kết doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học cùng tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; nâng cao tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề trung cấp, cao đẳng đạt cao hơn diện đào tạo nghề ngắn hạn.

Thực hiện tốt công tác xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng xây dựng các chương trình GDTX nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; thúc đẩy môi trường học tập hài hòa, hạnh phúc, giảm nhẹ áp lực học tập, phát huy tiềm năng của người học, khuyến khích học theo đam mê và sở thích. Hoàn thiện các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo. Xây dựng cơ sở giáo dục đạt các tiêu chuẩn Trường học hạnh phúc.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; các chương trình đào tạo đại học triển khai dạy học ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khuyến khích dạy học



một số môn khoa học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đảm bảo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đủ về số lượng và chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ.

Xây dựng và triển khai quy trình phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên; ưu tiên tuyển chọn, giới thiệu và cấp học bổng cho những cá nhân xuất sắc đi học tập ở các nước tiên tiến và các chương trình tiên tiến trong nước phù hợp với định hướng phát triển nhân lực quốc gia.

Thực hiện có hiệu quả *liên kết giáo dục, khuyến khích việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố với cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục tích hợp.*

## **5. Phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nhà nước đối với giáo dục và đào tạo.

Xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, hợp lý và đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn nghề nghiệp.

Thực hiện đào tạo gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới mô hình, phương thức đào tạo giáo viên, gắn việc đào tạo trong các trường sư phạm với hoạt động thực tiễn tại các trường học; thực hiện đào tạo giáo viên theo cơ chế đặt hàng; sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên hiện có.

Kết nối với Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Sài Gòn và các trường đại học trên địa bàn Thành phố có đào tạo ngành sư phạm để đào tạo, tuyển dụng và bồi dưỡng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng giáo viên dạy mầm non, ngoại ngữ, âm nhạc, tin học, dạy tích hợp, dạy theo phương pháp STEAM, ...

Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL và nhân viên giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại và nâng trình độ chuẩn cho đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên đại học, tăng số lượng giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài; thu hút các nhà khoa học trong và ngoài nước, người có trình độ làm giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học.

Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; đổi mới công tác đánh giá, phân loại nhà giáo và CBQL giáo dục theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; có giải pháp phù hợp trong bố trí, sử dụng CBQL, giáo viên không đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo.

Đổi mới cơ chế, chính sách tuyển chọn, bổ nhiệm CBQL; thực hiện quản lý sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, bảo đảm các điều kiện cần thiết về vật chất và tinh thần để nhà giáo, CBQL giáo dục thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của mình, yên tâm công tác và cống hiến, thu hút được người giỏi và tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục phát triển.

Rà soát, đánh giá thực trạng về quy mô phát triển, nhu cầu về đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục.

## **6. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục**

Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho giáo dục, đào tạo bảo đảm tối thiểu là 20% tổng chi ngân sách.

Phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục, đào tạo; ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành, nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn.

Đổi mới cơ cấu sử dụng nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tăng đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là loại hình tư thục chất lượng cao. Đối với ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách và khuyến khích tài năng; tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của nhà nước đối với người học ở trường công lập và ngoài công lập.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

Tăng ngân sách dành cho giáo dục đại học và giáo dục chuyên nghiệp đạt tốc độ tối thiểu bằng với tốc độ tăng trưởng GDP/đầu người hàng năm để nâng cấp, hiện đại hóa trang bị trong cơ sở giáo dục, tạo điều kiện cho người học thích ứng ngay với hoạt động của doanh nghiệp sau khi ra trường mà không phải đào tạo lại.

Tăng cường huy động, thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước; khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên

nghèo đạt thành tích tốt có đủ điều kiện tiếp tục học tập, đào tạo. Phát triển các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng nghiên cứu.

### **7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ để thích ứng với xu thế phát triển của thế giới. Tăng cường chuyển đổi số trong quản trị, quản lý; hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo; đồng bộ, thống nhất kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, các cấp quản lý giáo dục; liên thông dữ liệu giáo dục với cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ sở giáo dục triển khai dạy và học, quản lý nhà trường trên nền tảng số bảo đảm thiết thực và hiệu quả, tạo nên hệ sinh thái chuyển đổi số giáo dục.

Xây dựng các khung năng lực số làm cơ sở để đánh giá khách quan những nỗ lực và kết quả chuyển đổi số của ngành, cơ quan, đơn vị. Đưa các chương trình, chứng chỉ quốc tế trong quản lý và giảng dạy vào nội dung bồi dưỡng cho giáo viên, nhân viên, chuyên viên, CBQL giáo dục.

Tận dụng sự tiến bộ về khoa học của thế giới để giảm bớt gánh nặng đầu tư hạ tầng và công nghệ nhưng vẫn đảm bảo khả năng đồng bộ, kết nối, kế thừa, quản lý của cơ quan nhà nước đối với đối tượng chịu tác động. Sử dụng các chuẩn mở của quốc tế hướng đến sự thống nhất về công nghệ, tạo nền tảng cho việc phát triển các hệ sinh thái ứng dụng giáo dục, đào tạo. Dữ liệu được xem như nguồn vốn quan trọng nhất của quá trình chuyển đổi số, Thành phố tập trung xây dựng các chính sách để quản lý, bảo vệ, phát triển dữ liệu nhằm tạo ra giá trị cho xã hội nói chung và ngành Giáo dục nói riêng.

Xây dựng, phát triển, khai thác kho tài nguyên học liệu mở, chia sẻ với các nền tảng dạy học trực tuyến và đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cho người học. Xây dựng lộ trình cụ thể cả về chính sách lẫn công nghệ để có được dữ liệu lớn, áp dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo hướng đến nền tảng đào tạo hướng đối tượng, gắn bó chặt chẽ với điều kiện đặc thù và nhu cầu của Thành phố.

Đảm bảo các điều kiện về nhân lực, hạ tầng số, đường truyền, triển khai nền tảng thích hợp, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, ưu tiên các cơ sở giáo dục ở vùng khó khăn; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nghiên cứu, triển khai ứng dụng và thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

## **8. Tăng cường hội nhập quốc tế**

Chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương; thúc đẩy hợp tác với các nước có nền giáo dục chất lượng hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa ước quốc tế, trong đó ưu tiên thực hiện các cam kết quốc tế, khu vực về mục tiêu phát triển giáo dục, chương trình, dự án và các chương trình học bổng hiệp định đối với các cấp học.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế giữa các cơ sở giáo dục của Việt Nam và các đối tác có uy tín của nước ngoài; thực hiện tham chiếu khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực.

Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài; phát triển các trường phổ thông chất lượng cao, tiếp tục thúc đẩy các cơ sở giáo dục xây dựng chương trình tích hợp giữa chương trình Việt Nam và chương trình của các nước tiên tiến; liên kết giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh phổ thông Thành phố; khuyến khích công nhận chứng chỉ, văn bằng liên thông với các chương trình đào tạo của các trường nước ngoài có uy tín hoặc được cấp có thẩm quyền công nhận để thu hút học sinh, sinh viên, nhà khoa học nước ngoài đến học tập, nghiên cứu và làm việc tại Việt Nam.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

### **1. Lộ trình và nội dung thực hiện**

#### ***1.1. Giai đoạn 2022 - 2025***

Tích cực triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, có sự điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn; xây dựng và thực hiện các chính sách tạo động lực phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục; triển khai xây dựng một số cơ sở giáo dục chất lượng cao; đánh giá các mục tiêu và giải pháp thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2025; tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược giai đoạn I vào đầu năm 2026.

Rà soát quỹ đất, hoàn thiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới trường học trên địa bàn Thành phố; đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện giáo dục, đào tạo, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng đội ngũ CBQL giáo dục, giáo viên, giảng viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng; đẩy mạnh và hoàn thiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo; nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế, phát huy các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập,

tạo điều kiện thuận lợi để người dân học tập suốt đời. Duy trì kết quả chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS và phổ cập bậc trung học; đẩy mạnh chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học toàn ngành. Liên kết chặt chẽ giữa Thành phố với các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo để đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu xã hội.

Triển khai thực hiện Đề án xây dựng 4.500 phòng học chào mừng kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Thành phố thực hiện được chỉ tiêu 300 phòng học/10.000 dân số trong độ tuổi đi học từ 3 đến 18 tuổi.

### **1.2. Giai đoạn 2025 - 2030**

Tiếp tục thực hiện đổi mới ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo và một số nhiệm vụ của giai đoạn I với các điều chỉnh bổ sung; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; chú trọng đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế trí thức; thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển bền vững của Thành phố. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố giai đoạn 2022 - 2030 vào cuối năm 2030 và tổng kết vào đầu năm 2031.

## **2. Phân công thực hiện**

### **2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển phát triển giáo dục Thành phố giai đoạn 2022 - 2030.

Hướng dẫn các quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch năm và giai đoạn tiếp theo phù hợp với Chiến lược phát triển Giáo dục Thành phố giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến 2045.

Chủ trì, phối hợp với và các sở, ngành liên quan, quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng quy hoạch mạng lưới các trường THPT, THCS, tiểu học, mầm non, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn Thành phố.

Xây dựng cơ chế tự chủ hoạt động và sắp xếp tinh gọn bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục và Đào tạo, hình thành các trường phổ thông nhiều cấp học từ nay đến năm 2030.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng nguồn thu chính đáng cho

các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 và những năm tiếp theo nhằm thực hiện hiệu quả Chiến lược.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức để tập trung nghiên cứu đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên các cấp, xây dựng cơ chế, có chính sách tuyển dụng giáo viên một số môn đặc thù, khó tuyển dụng kịp thời, phục vụ giảng dạy cho các cấp học trên địa bàn Thành phố năm 2024 và những năm tiếp theo.

Chủ trì, phối hợp Hội đồng Hiệu trưởng các trường đại học trên địa bàn Thành phố, các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế (08 ngành) và Đại học chia sẻ; Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước và khu vực. Phối hợp với Hội đồng Hiệu trưởng triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung chỉ tiêu liên quan phát triển giáo dục đại học.

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức tham mưu xây dựng và điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn Thành phố đáp ứng yêu cầu học tập cho người dân Thành phố và các vùng lân cận.

Nghiên cứu tham mưu sáp nhập các trường trung cấp chuyên nghiệp vào trường cao đẳng; thu gọn đầu mối, điểm trường không đạt tiêu chuẩn, hình thành các trường phổ thông nhiều cấp học.

Nghiên cứu tham mưu đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục, nâng cao mức độ tự chủ tài chính (tự chủ chi thường xuyên) của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học của giáo viên và học sinh.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó đặt ra nhiệm vụ, giải pháp sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực giáo dục, đào tạo đối với giáo dục mầm non, phổ thông như sau: “sắp xếp, tổ chức lại gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học (tiểu học, THCS, THPT) phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa phương, địa bàn cụ thể. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học một cách hợp lý; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương. Tạo điều kiện chuyển đổi mô

hình cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông từ công lập sang ngoài công lập ở nơi có khả năng xã hội hoá cao”.

Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030, tổ chức sơ kết việc thực hiện chiến lược vào đầu năm 2026 và tổng kết vào đầu năm 2031.

## **2.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu liên quan GDNN; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm, 05 năm; xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về GDNN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá kết quả triển khai nội dung liên quan GDNN. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chủ trì, phối hợp với Hội đồng Hiệu trưởng các trường Cao đẳng và Trung cấp trên địa bàn Thành phố triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong lĩnh vực GDNN.

## **2.3. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng kế hoạch và đảm bảo đủ biên chế theo định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoàn thiện chính sách nhân sự và chế độ quản lý con người trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu ban hành một số chính sách đặc thù cho đội ngũ CBQL giáo dục và giáo viên; có các chính sách ưu đãi và chế độ đãi ngộ khuyến khích nhà giáo, đồng thời thu hút những người có năng lực, trình độ cao, có tài năng vào đội ngũ nhà giáo; có chế độ hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ cho đội ngũ.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu bồi dưỡng, phát triển lực lượng CBQL giáo dục có tầm nhìn và năng lực thích ứng với các điều kiện thay đổi, tận tâm, thạo việc, có năng lực điều hành.

## **2.4. Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Tài nguyên và Môi trường**

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất cho ngành Giáo dục và Đào tạo của Sở Giáo dục và

Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức trình, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nhu cầu sử dụng quỹ đất cho ngành Giáo dục và Đào tạo để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai.

Giao Sở Xây dựng đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường, lớp theo Đề án Quy hoạch mạng lưới trường, lớp được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, đặc biệt thúc đẩy tiến độ xây dựng trường mầm non tại các khu chế xuất, khu công nghiệp và hệ thống trường, lớp các xã tham gia chương trình Xây dựng nông thôn mới nhằm giảm sĩ số 35 học sinh/lớp theo tiêu chuẩn quốc tế, từ đó tăng mạnh số lượng trường học tổ chức dạy 02 buổi/ngày.

Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức rà soát quỹ đất giáo dục quy hoạch trên địa bàn, đồng thời xây dựng phương án mở rộng, bổ sung quỹ đất xây mới để đáp ứng yêu cầu phát triển và các quy định hiện hành.

### ***2.5. Sở Khoa học và Công nghệ***

Chủ trì, đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo.

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan xây dựng, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định thúc đẩy các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, nhất là cơ sở giáo dục đại học.

### ***2.6. Sở Thông tin và Truyền thông***

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy và các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông chính xác, đầy đủ những chủ trương, định hướng đổi mới của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo các giải pháp, kỹ thuật thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tuân thủ kiến trúc chính quyền điện tử Thành phố. Phối hợp thực hiện Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, hạ tầng Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo; có chính sách ưu đãi về dịch vụ



Internet và dịch vụ công nghệ thông tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục.

### ***2.7. Sở Kế hoạch và Đầu tư***

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp, đề xuất khả năng cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố cho các dự án để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp khả năng cân đối vốn của Thành phố.

### ***2.8. Sở Tài chính***

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bố trí dự toán kinh phí sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo trong dự toán được giao hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện công tác phát triển giáo dục Thành phố giai đoạn từ nay đến năm 2030.

### ***2.9. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức***

Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đảm bảo hiệu quả và đạt kết quả cao; trọng tâm về xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương; quản lý quy hoạch quy mô dân số; quản lý, tuyển dụng và sử dụng có hiệu quả số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ hàng năm; về xây dựng cơ sở vật chất trường học, bố trí quỹ đất cho giáo dục đáp ứng nhu cầu dạy và học, có tính đến biến động tăng học sinh tại các khu vực gần khu công nghiệp, khu đô thị.

### ***2.10. Hội đồng Hiệu trưởng các trường Đại học trên địa bàn Thành phố***

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành và đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung chỉ tiêu liên quan phát triển giáo dục đại học. Phối hợp triển khai thực hiện Đề án tổng thể đào tạo nguồn nhân lực trình độ quốc tế (08 ngành) và Đại học chia sẻ, Đề án Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước và khu vực.

### ***2.11. Hội đồng Hiệu trưởng các trường Cao đẳng và Trung cấp trên địa bàn Thành phố***

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong lĩnh vực GDNN. Chủ động nghiên cứu, triển khai các hoạt động đào tạo gắn với nhu

cầu xã hội, đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và hội nhập quốc tế.

### ***2.12. Các cơ sở giáo dục***

Tích cực đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; căn cứ nội dung, định hướng quy hoạch để xây dựng chiến lược phát triển cơ sở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình xuống cấp, đồng thời bố trí kinh phí thường xuyên, huy động nguồn thu hợp pháp và các khoản thu hợp pháp khác để tăng cường, sửa chữa cơ sở vật chất, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây là Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (đính kèm Phụ lục danh mục các đề án, chương trình thực hiện Chiến lược).

Các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ, đạt hiệu quả cao. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và quyết định./.

**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN**  
**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

| STT | NHIỆM VỤ,<br>ĐỀ ÁN  | ĐƠN VỊ<br>CHỦ<br>TRÌ   | ĐƠN VỊ<br>PHỐI HỢP                                 | THỜI<br>GIAN<br>THỰC<br>HIỆN | CẤP<br>TRÌNH/<br>PHÊ<br>DUYỆT |
|-----|---|------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Đề án Giáo dục Thông minh và Học tập suốt đời   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2021 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 2   | Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế (8 ngành: công nghệ thông tin - truyền thông; cơ khí - tự động hóa; trí tuệ nhân tạo; quản trị doanh nghiệp; tài chính - ngân hàng; y tế; du lịch; quản lý đô thị) giai đoạn 2020 - 2035 và đại học chia sẻ. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2020 - 2035                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 3   | Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2019 - 2025                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 4   | Đề án “Xây dựng xã hội học tập” trên địa bàn Thành phố  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành             | 2021 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |

| STT | NHIỆM VỤ,<br>ĐỀ ÁN  | ĐƠN VỊ<br>CHỦ<br>TRÌ   | ĐƠN VỊ<br>PHỐI HỢP                                 | THỜI<br>GIAN<br>THỰC<br>HIỆN | CẤP<br>TRÌNH/<br>PHÊ<br>DUYỆT |
|-----|---|------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|
|     |   |                        | phó Thủ Đức  |                              |                               |
| 5   | Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2021 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 6   | Đề án Phổ cập trình độ ngoại ngữ cho người dân Thành phố Hồ Chí Minh độ tuổi từ 18 đến 35   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2021 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 7   | Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2025 - 2030  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2025 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 8   | Đề án xây dựng cơ chế tự chủ hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo thực hiện tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030. | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2023 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 9   | Đề án “Xây dựng một số chế độ, chính sách đối với viên chức là giáo viên cấp tiểu học các môn học Tiếng anh, Tin học, Giáo dục thể chất Âm nhạc, Mỹ                                   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2023 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |

| STT | NHIỆM VỤ,<br>ĐỀ ÁN   | ĐƠN VỊ<br>CHỦ<br>TRÌ   | ĐƠN VỊ<br>PHỐI HỢP                                 | THỜI<br>GIAN<br>THỰC<br>HIỆN | CẤP<br>TRÌNH/<br>PHÊ<br>DUYỆT |
|-----|--|------------------------|--|------------------------------|-------------------------------|
|     | thuật trước yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay khi triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018”   |                        |  |                              |                               |
| 10  | Đề án hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2014 - 2030                  | Hội đồng nhân dân Thành phố   |
| 11  | Đề án “xã hội hóa phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo”   | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2023 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 12  | Đề án “đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, phát triển năng lực, kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên ngành giáo dục thực hiện chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2022 - 2030                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |
| 13  | Đề án xây dựng 4.500 phòng học chào mừng kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước  | Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở, ban ngành, UBND quận, huyện, thành phố Thủ Đức | 2023 - 2025                  | Ủy ban nhân dân Thành phố     |

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 05 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 5 hết hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 5 còn hiệu lực năm 2023

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp Quận 5 tại Tờ trình số 28/TTr-TP-KTRSVB ngày 05 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 29 văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 5 còn hiệu lực năm 2024; Danh mục 06 văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Quận 5 hết hiệu lực toàn bộ năm 2024.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm niêm yết các Danh mục văn bản quy phạm pháp luật tại trụ sở Ủy ban nhân dân quận và đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quận 5.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận; Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn thuộc quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường Quận 5 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**CHỦ TỊCH**

**Trương Minh Kiều**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC**  
**TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 5 NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận 5)*

| <i>Số TT</i> | <i>Tên loại văn bản</i> | <i>Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản</i> | <i>Tên gọi của văn bản</i>   | <i>Lý do hết hiệu lực</i>   | <i>Ngày hết hiệu lực</i> |
|--------------|-------------------------|---|--|---|--------------------------|
| 1            | Quyết định              | Số 6852/2002/QĐ-UB ngày 23/12/2002                  | V/v ban hành Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển kinh tế và cung ứng lao động Quận 5                 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023               |
| 2            | Quyết định              | Số 29/2006/QĐ-UB ngày 25/7/2006                     | V/v ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Biên tập Trang thông tin điện tử Quận 5   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023               |
| 3            | Quyết định              | Số 30/2006/QĐ-UBND ngày 12/9/2006                   | V/v ban hành Quy định quản lý, sử dụng mạng và các dịch vụ cơ bản trên mạng vi tính Quận 5   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023               |
| 4            | Quyết định              | Số 31/2006/QĐ-UBND ngày 12/9/2006                   | V/v ban hành Quy định về trình tự giải quyết các văn bản hành chính, chế độ báo cáo của các đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân 15 phường | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023               |
| 5            | Quyết định              | Số 04/2007/QĐ-UBND ngày 09/3/2007                   | V/v ban hành Quy chế tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân Quận 5   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023               |





|                            |            |                                    |  |   |            |
|----------------------------|------------|------------------------------------|--|---|------------|
| 6                          | Quyết định | Số 09/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009 | V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Quận 5 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 về Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5 | 19/01/2023 |
| <b>Tổng số: 06 văn bản</b> |            |                                    |  |   |            |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC  
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC  
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 5 NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận 5)*

| Số TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày tháng năm ban hành văn bản | Trích yếu nội dung của văn bản  | Thời điểm có hiệu lực | Lĩnh vực |
|-------|------------------|--|---|-----------------------|----------|
| 1     | Nghị quyết       | Số 11/2006/NQ-HĐND ngày 21/11/2006           | Về công nhận kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp phường   | 21/11/2006            | HĐND     |
| 2     | Nghị quyết       | Số 05/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007            | Về lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006-2010), quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Quận 5 và 15 phường thuộc Quận 5 | 17/7/2007             | HĐND     |
| 3     | Nghị quyết       | Số 01/2009/NQ-HĐND ngày 21/4/2009            | Về tổng kết hoạt động Hội đồng nhân dân Quận 5 khóa IX, nhiệm kỳ 2004 - 2009  | 21/4/2009             | HĐND     |
| 4     | Quyết định       | Số 2827/2002/QĐ-UB ngày 27/6/2002            | V/v ban hành quy chế Giải truyền thống Nhà giáo Quận 5  | 27/6/2002             | GĐĐT     |
| 5     | Quyết định       | Số 03/2010/QĐ-UBND ngày 05/02/2010           | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 5   | 12/02/2010            | NV       |
| 6     | Quyết định       | Số 06/2010/QĐ-UBND ngày 09/6/2010            | Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Quận 5  | 16/6/2010             | NV       |
| 7     | Quyết định       | Số 07/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2010            | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Quận 5   | 07/9/2010             | NV       |
| 8     | Quyết định       | Số 01/2011/QĐ-UBND ngày 23/3/2011            | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 5  | 30/3/2011             | KT       |
| 9     | Quyết định       | Số 02/2011/QĐ-UBND ngày 07/7/2011            | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5   | 14/7/2011             | TCKH     |
| 10    | Quyết định       | Số 03/2011/QĐ-UBND ngày 18/8/2011            | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị Quận 5   | 25/8/2011             | QLĐT     |
| 11    | Quyết định       | Số 04/2011/QĐ-UBND ngày 28/9/2011            | Bãi bỏ văn bản do Ủy ban nhân dân Quận 5 ban hành   | 05/10/2011            | TP       |

|    |            |                                    |   |            |      |
|----|------------|------------------------------------|---|------------|------|
| 12 | Quyết định | Số 01/2012/QĐ-UBND ngày 24/8/2012  | Bãi bỏ văn bản không còn phù hợp quy định pháp luật hiện hành   | 31/8/2012  | TP   |
| 13 | Quyết định | Số 01/2013/QĐ-UBND ngày 07/06/2013 | Về việc bãi bỏ văn bản  | 14/6/2013  | TP   |
| 14 | Quyết định | Số 02/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013  | Ban hành quy chế Giải truyền thống Trần Văn Kiêu  | 20/9/2013  | NV   |
| 15 | Quyết định | Số 01/2014/QĐ-UBND ngày 10/02/2014 | Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức Quận 5   | 17/02/2014 | NV   |
| 16 | Quyết định | Số 02/2014/QĐ-UBND ngày 03/3/2014  | Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Quận 5   | 10/3/2014  | NV   |
| 17 | Quyết định | Số 01/2015/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 | Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Quận 5 với Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 5 | 16/02/2015 | NV   |
| 18 | Quyết định | Số 02/2015/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 | Quy chế tổ chức, hoạt động của Đội Quản lý Trật tự đô thị Quận 5  | 01/3/2015  | QLĐT |
| 19 | Quyết định | Số 01/2017/QĐ-UBND ngày 12/5/2017  | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ Quận 5   | 19/5/2017  | NV   |
| 20 | Quyết định | Số 02/2017/QĐ-UBND ngày 05/7/2017  | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Quận 5  | 12/7/2017  | TTr  |
| 21 | Quyết định | Số 01/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018  | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5   | 08/3/2018  | GDĐT |
| 22 | Quyết định | Số 02/2018/QĐ-UBND ngày 08/3/2018  | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận 5  | 15/3/2018  | VP   |
| 23 | Quyết định | Số 03/2018/QĐ-UBND ngày 02/4/2018  | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 5  | 09/4/2018  | TNMT |
| 24 | Quyết định | Số 04/2018/QĐ-UBND ngày 25/7/2018  | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội Quận 5  | 06/8/2018  | LĐ   |
| 25 | Quyết định | Số 01/2019/QĐ-UBND ngày 03/5/2019  | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5   | 10/5/2019  | YT   |
| 26 | Quyết định | Số 01/2020/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 | Về việc bãi bỏ văn bản  | 31/12/2020 | TP   |

|                            |            |                                    |  |            |      |
|----------------------------|------------|------------------------------------|--|------------|------|
| 27                         | Quyết định | Số 02/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5              | 08/01/2021 | TP   |
| 28                         | Quyết định | Số 01/2021/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5 | 25/01/2021 | VHTT |
| 29                         | Quyết định | Số 01/2023/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 | Về việc Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận 5   | 19/1/2023  | TP   |
| <b>Tổng số: 29 văn bản</b> |            |                                    |  |            |      |

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 09 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật  
của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2023

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 17/TTr-TP ngày 08 tháng 01 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2023 (Đính kèm Danh mục văn bản).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng Phòng Tư pháp quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6  
hết hiệu lực toàn bộ năm 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)*

| Số TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-------|------------------|--|--|--|-------------------|
| 01    | Quyết định       | 01/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 05/10/2016             | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                          | Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                          | 21/12/2023        |
| 02    | Quyết định       | 01/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 15/3/2017              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                           | Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                                   | 25/9/2023         |
| 03    | Quyết định       | 02/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 24/8/2018              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 | Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 | 21/12/2023        |

| Số TT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản                            | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-------|------------------|--|---|--|-------------------|
| 04    | Quyết định       | 04/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 25/12/2018             | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 | Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 | 07/12/2023        |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6  
BAN HÀNH CÒN HIỆU LỰC NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6)*

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---------|
| 1   | Nghị quyết       | 19/2006/NQ-HĐND<br>Ngày 20/12/2006             | Về phân loại đơn vị hành chính phường trên địa bàn quận 6 theo tinh thần Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ | 27/12/2006            |         |
| 2   | Nghị quyết       | 09/2007/NQ-HĐND<br>Ngày 18/7/2007              | Về nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 các khu dân cư liên phường trên địa bàn quận 6                   | 25/7/2007             |         |
| 3   | Nghị quyết       | 01/2008/NQ-HĐND<br>Ngày 11/7/2008              | Về nhiệm vụ điều chỉnh đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị quận 6 đến năm 2020   | 18/7/2008             |         |
| 4   | Nghị quyết       | 04/2008/NQ-HĐND<br>Ngày 17/12/2008             | Về quy hoạch lộ giới đường dưới 12 mét (quy hoạch hẻm) trên địa bàn quận 6   | 24/12/2008            |         |
| 5   | Quyết định       | 04/2009/QĐ-UBND<br>Ngày 19/02/2009             | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6   | 19/02/2009            |         |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản                         | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---------|
| 6   | Quyết định       | 18/2009/QĐ-UBND<br>Ngày 29/9/2009              | Về công bố văn bản hết hiệu lực  | 29/9/2009             |         |
| 7   | Quyết định       | 08/2010/QĐ-UBND<br>Ngày 02/11/2010             | Về bãi bỏ văn bản  | 09/11/2010            |         |
| 8   | Quyết định       | 09/2010/QĐ-UBND<br>Ngày 03/11/2010             | Về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành                                       | 10/11/2010            |         |
| 9   | Quyết định       | 01/2011/QĐ-UBND<br>Ngày 06/01/2011             | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận 6       | 13/01/2011            |         |
| 10  | Quyết định       | 06/2011/QĐ-UBND<br>Ngày 09/6/2011              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận 6              | 16/6/2011             |         |
| 11  | Quyết định       | 03/2012/QĐ-UBND<br>Ngày 24/7/2012              | Về việc phân công quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn Quận 6 | 31/7/2012             |         |
| 12  | Quyết định       | 01/2014/QĐ-UBND<br>Ngày 21/01/2014             | Về ban hành Quy chế quản lý Hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức quận 6  | 28/01/2014            |         |
| 13  | Quyết định       | 02/2014/QĐ-UBND<br>Ngày 18/02/2014             | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị quận 6    | 25/02/2014            |         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---------|
| 14  | Quyết định       | 04/2014/QĐ-UBND<br>Ngày 27/8/2014              | Về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân quận 6 với Hội Liên hiệp Phụ nữ quận 6 | 03/9/2014             |         |
| 15  | Quyết định       | 02/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 22/3/2017              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 6   | 31/3/2017             |         |
| 16  | Quyết định       | 03/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 20/6/2017              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận 6  | 01/7/2017             |         |
| 17  | Quyết định       | 04/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 28/7/2017              | Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6  | 04/8/2017             |         |
| 18  | Quyết định       | 05/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 15/12/2017             | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân quận 6   | 29/12/2017            |         |
| 19  | Quyết định       | 01/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 30/3/2018              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận 6  | 07/4/2018             |         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản   | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|-----|------------------|--|--|-----------------------|---------|
| 20  | Quyết định       | 03/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 18/10/2018             | Về bãi bỏ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 của Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội được nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động | 26/10/2018            |         |
| 21  | Quyết định       | 01/2019/QĐ-UBND<br>Ngày 18/10/2019             | Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6  | 26/10/2019            |         |
| 22  | Quyết định       | 01/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 14/4/2020              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận 6   | 21/4/2020             |         |
| 23  | Quyết định       | 02/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 25/5/2020              | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân quận 6   | 03/6/2020             |         |
| 24  | Quyết định       | 03/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 29/6/2020              | Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6  | 06/7/2020             |         |
| 25  | Quyết định       | 01/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 08/12/2021             | Về bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận 6  | 18/12/2021            |         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/<br>Trích yếu nội dung của văn bản  | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|-----|------------------|--|---|-----------------------|---------|
| 26  | Quyết định       | 01/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 06/10/2022             | Về bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân quận 6   | 14/10/2022            |         |
| 27  | Quyết định       | 01/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 18/9/2023              | Về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                                  | 25/9/2023             |         |
| 28  | Quyết định       | 02/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 27/11/2023             | Về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                             | 07/12/2023            |         |
| 29  | Quyết định       | 03/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 11/12/2023             | Về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận 6                          | 21/12/2023            |         |
| 30  | Quyết định       | 04/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 11/12/2023             | Về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận 6 | 21/12/2023            |         |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 05 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật  
hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023,  
văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

*Theo đề nghị của Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 05/TTr-PTP ngày 02 tháng 01 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2023, văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (đính kèm Danh mục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 16 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trí Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN GÒ VẤP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận)*

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Thời điểm có hiệu lực | Ghi chú |
|--|------------------|--|--|-----------------------|---------|
| <b>I. VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC QUẬN</b> |                  |  |  |                       |         |
| 1.   | Quyết định       | 03/2008/QĐ-UBND ngày 27/5/2008                 | Về sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. | Ngày 03/6/2008        |         |
| 2.   | Quyết định       | 02/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018                | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Gò Vấp.   | Ngày 23/01/2018       |         |
| 3.   | Quyết định       | 03/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018                 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Gò Vấp.  | Ngày 04/4/2018        |         |
| 4.   | Quyết định       | 04/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018                 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Gò Vấp.   | Ngày 12/4/2018        |         |
| 5.   | Quyết định       | 05/2018/QĐ-UBND ngày 06/6/2018                 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận Gò Vấp.  | Ngày 13/6/2018        |         |
| 6.   | Quyết định       | 06/2018/QĐ-UBND ngày 14/6/2018                 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Gò Vấp.   | Ngày 21/6/2018        |         |
| 7.   | Quyết định       | 08/2018/QĐ-UBND                                | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của   | Ngày 02/7/2018        |         |

|  |            |                                    |  |                 |  |
|--|------------|------------------------------------|--|-----------------|--|
|  |            | ngày 25/6/2018                     | Phòng Y tế quận Gò Vấp.  |                 |  |
| 8.   | Quyết định | 10/2018/QĐ-UBND<br>ngày 24/8/2018  | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động, Thương binh và xã hội quận Gò Vấp.  | Ngày 31/8/2018  |  |
| 9.   | Quyết định | 11/2018/QĐ-UBND<br>ngày 17/12/2018 | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Gò Vấp.  | Ngày 24/12/2018 |  |
| 10.  | Quyết định | 03/2019/QĐ-UBND<br>ngày 10/7/2019  | Về sửa đổi bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế ban hành theo Quyết định 08/2018/QĐ-UBND ngày 25/6/2018   | Ngày 17/7/2019  |  |
| 11.  | Quyết định | 06/2019/QĐ-UBND<br>ngày 11/11/2019 | Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp   | Ngày 18/11/2019 |  |
| 12.  | Quyết định | 01/2020/QĐ-UBND<br>ngày 23/6/2020  | Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Gò Vấp  | Ngày 30/6/2020  |  |
| 13.  | Quyết định | 02/2020/QĐ-UBND<br>ngày 23/6/2020  | Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp  | Ngày 30/6/2020  |  |
| 14.  | Quyết định | 01/2021/QĐ-UBND<br>ngày 20/12/2021 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp.   | Ngày 27/12/2021 |  |
| <b>II. VĂN BẢN BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b> |            |                                    |  |                 |  |
| 15.  | Quyết định | 01/2017/QĐ-UBND<br>ngày 18/12/2017 | Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật   | Ngày 25/12/2017 |  |
| 16.  | Quyết định | 02/2019/QĐ-UBND<br>ngày 29/5/2019  | Về việc bãi bỏ Quy trình nhận, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp ban hành kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 | Ngày 05/06/2019 |  |



|                            |            |                                   |   |                |  |
|----------------------------|------------|-----------------------------------|---|----------------|--|
| 17.                        | Quyết định | 04/2019/QĐ-UBND<br>ngày 15/7/2019 | Về việc bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của Ủy ban nhân dân quận về ban hành quy chế tổ chức thực hiện và quản lý các dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp hẻm trên địa bàn quận Gò Vấp theo phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. | Ngày 15/7/2019 |  |
| 18.                        | Quyết định | 05/2019/QĐ-UBND<br>ngày 11/9/2019 | Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật (khen thưởng)   | Ngày 17/9/2019 |  |
| <b>Tổng số: 18 văn bản</b> |            |                                   |   |                |  |

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận)

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023**

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--|------------------|--|---|--------------------|-------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>    |                  |  |   |                    |                   |
| Không có                                   |                  |  |   |                    |                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b> |                  |  |   |                    |                   |
| Không có                                   |                  |  |   |                    |                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2023**

| <b>STT</b>                                 | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản</b> | <b>Lý do hết hiệu lực</b> | <b>Ngày hết hiệu lực</b> |
|--|-------------------------|---|--|---------------------------|--------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>    |                         |   |  |                           |                          |
| Không có                                   |                         |   |  |                           |                          |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b> |                         |   |  |                           |                          |
| Không có                                   |                         |   |  |                           |                          |

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận)

**C. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023**

| STT                                       | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---|------------------|--|---|--------------------|-------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>    |                  |  |   |                    |                   |
| Không có                                  |                  |  |   |                    |                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b> |                  |  |   |                    |                   |
| Không có                                  |                  |  |   |                    |                   |

**D. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2023**

| <b>STT</b>                                | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản</b> | <b>Lý do hết hiệu lực</b> | <b>Ngày hết hiệu lực</b> |
|---|-------------------------|---|--|---------------------------|--------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>    |                         |   |  |                           |                          |
| Không có                                  |                         |   |  |                           |                          |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b> |                         |   |  |                           |                          |
| Không có                                  |                         |   |  |                           |                          |

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 09 tháng 01 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục văn bản quy pháp luật hết hiệu lực,  
ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần  
của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình năm 2023**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và tổ chức, quản lý công tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 5043/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật năm 2023;*

*Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật trên địa bàn quận Tân Bình năm 2023;*

*Theo đề nghị của Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 07/TTr-TP ngày 04 tháng 01 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận Tân Bình năm 2023 (*Danh mục văn bản kèm theo*).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bá Thành**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân quận Tân Bình năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023**

| STT                                    | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b> |                  |  |  |   |                                   |
| 1                                      | Quyết định       | 13/2007/QĐ-UBND<br>Ngày 24/12/2007             | Quyết định về thành lập Thanh tra Xây dựng 15 phường quận Tân Bình                                   | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 01/01/2024                        |
| 2                                      | Quyết định       | 02/2008/QĐ-UBND<br>Ngày 24/01/2008             | Quyết định về ban hành Kế hoạch thực hiện chủ đề “Năm 2008 - năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 01/01/2024                        |
| 3                                      | Quyết định       | 02/2010/QĐ-UBND<br>Ngày 02/7/2010              | Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý Chợ Tân Bình                     | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 01/01/2024                        |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| 4   | Quyết định       | 07/2010/QĐ-UBND<br>Ngày 15/10/2010             | Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Chợ Phạm Văn Hai  | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình   | 01/01/2024                        |
| 5   | Quyết định       | 08/2010/QĐ-UBND<br>Ngày 15/10/2010             | Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban quản lý chợ Bàu Cát.                                | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình   | 01/01/2024                        |
| 6   | Quyết định       | 101/2016/QĐ-UBND<br>ngày 12/10/2016            | Quyết định ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận Tân Bình                              | Bị thay thế bởi Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 01/01/2024                        |
| 7   | Quyết định       | 01/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 01/3/2021              | Quyết định ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Tân Bình                             | Bị thay thế bởi Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 01/01/2024                        |
| 8   | Chỉ thị          | 03/2007/CT-UBND<br>Ngày 10/7/2007              | Chỉ thị về việc tăng cường thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn quận          | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình       | 09/11/2023                        |
| 9   | Chỉ thị          | 06/2007/CT-UBND<br>Ngày 20/8/2007              | Chỉ thị về thực hiện các giải pháp để kéo giảm tai nạn giao thông trên địa bàn quận trong 6 tháng cuối năm 2007 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình       | 09/11/2023                        |
| 10  | Chỉ thị          | 08/2007/CT-UBND<br>Ngày 30/8/2007              | Chỉ thị về việc tăng cường các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết trên địa bàn quận                           | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình       | 09/11/2023                        |

| STT                                       | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| 11  | Chỉ thị          | 02/2011/CT-UBND<br>Ngày 16/3/2011              | Chỉ thị về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách quận năm 2011 | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình | 09/11/2023                        |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b> |                  |  |   |   |                                   |
|   | Không có         |  |   |   |                                   |
| Tổng số: 11 văn bản                       |                  |  |   |   |                                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2023 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ**

| STT                                       | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|---------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b>    |                  |  |                     |                                    |                                   |
|   | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ</b> |                  |  |                     |                                    |                                   |
|   | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| Tổng số: 0 văn bản                        |                  |  |                     |                                    |                                   |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần của Hội đồng nhân dân,  
Ủy ban nhân dân quận Tân Bình năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023**

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|---------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>    |                  |  |                     |                                    |                                   |
|  | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b> |                  |  |                     |                                    |                                   |
|  | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| <b>Tổng số: 0 văn bản</b>                  |                  |  |                     |                                    |                                   |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2023 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC CÔNG BỐ**

| STT  | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|--|---------------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b>    |                  |  |                     |                                    |                                   |
|  | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| <b>II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN</b> |                  |  |                     |                                    |                                   |
|  | Không có         |  |                     |                                    |                                   |
| <b>Tổng số: 0 văn bản</b>                  |                  |  |                     |                                    |                                   |

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng